



**CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

HÀ NỘI, THÁNG 03 - NĂM 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Y	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trúc	Ủy viên
Ông Lê Văn Nhuận	Ủy viên
Ông Vũ Huy Phương	Ủy viên
Bà Dương Thị Thu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Y	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trúc	Giám đốc điều hành
Ông Lê Văn Nhuận	Phó Giám đốc
Ông Vũ Huy Phương	Phó Giám đốc
Ông Lưu Văn Đông	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính tổng hợp này hay không;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Y	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trúc	Ủy viên
Ông Lê Văn Nhuận	Ủy viên
Ông Vũ Huy Phương	Ủy viên
Bà Dương Thị Thu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Y	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trúc	Giám đốc điều hành
Ông Lê Văn Nhuận	Phó Giám đốc
Ông Vũ Huy Phương	Phó Giám đốc
Ông Lưu Văn Đông	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính tổng hợp này hay không;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG



Trần Đức Y

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020



Số: 27-20/BC.KT-UNI

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16/03/2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được điều chỉnh lại dựa trên Thông báo Kết quả Kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước số 717/TB-KTNN ngày 11/10/2019.



Đặng Thị Kim Trính
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2018-153-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Nguyễn Tuấn Linh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4021-2019-153-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		174.926.090.617	176.760.562.829
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		28.064.940.679	4.199.876.564
1 Tiền	111	V.01	28.064.940.679	4.199.876.564
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.884.107.491	81.750.661.163
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	76.030.958.947	87.540.331.623
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	852.148.275	1.515.503.299
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.430.234.207	1.620.737.088
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(9.429.233.938)	(8.925.910.847)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	77.140.892.263	90.641.601.510
1 Hàng tồn kho	141		77.140.892.263	90.641.601.510
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		836.150.184	168.423.592
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		836.150.184	100.603.655
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	67.819.937
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.549.876.913	34.559.039.127
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		29.504.907.747	28.599.059.933
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	29.504.907.747	28.599.059.933
- Nguyên giá	222		63.997.999.932	58.555.285.968
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.493.092.185)	(29.956.226.035)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	-	53.282.527
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	53.282.527
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	4.572.000.000	4.572.000.000
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.212.000.000	4.212.000.000
2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		360.000.000	360.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.472.969.166	1.334.696.667
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.472.969.166	1.334.696.667
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		210.475.967.530	211.319.601.956

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		135.512.128.571	138.213.556.942
I. Nợ ngắn hạn	310		135.512.128.571	138.213.556.942
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	61.009.299.097	75.470.131.540
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	53.659.481.252	40.132.841.901
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.162.840.894	1.001.632.067
4 Phải trả người lao động	314		3.724.348.422	5.556.960.806
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	153.035.181	109.421.315
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1.172.562.545	7.461.653.454
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.130.329.602	6.935.057.866
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.500.231.578	1.545.857.993
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.963.838.959	73.106.045.014
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	74.963.838.959	73.106.045.014
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.191.509.818	3.191.509.818
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		15.606.628.702	15.606.628.702
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.165.700.439	9.307.906.494
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		135.682.909	(44.620.903)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		11.030.017.530	9.352.527.397
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		210.475.967.530	211.319.601.956

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	501.385.413.471	277.638.441.860
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		501.385.413.471	277.638.441.860
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.02	478.063.029.048	258.000.555.851
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23.322.384.423	19.637.886.009
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	386.389.563	736.191.694
7 Chi phí tài chính	22		18.331.526	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25	VI.06	3.050.635.351	2.167.773.663
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	6.988.748.259	6.603.719.485
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		13.651.058.850	11.602.584.555
11 Thu nhập khác	31	VI.04	136.209.536	48.486.643
12 Chi phí khác	32	VI.05	13.493.179	54.641.596
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		122.716.357	(6.154.953)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		13.773.775.207	11.596.429.602
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.743.757.677	2.243.902.205
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.030.017.530	9.352.527.397
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	2.451,12	2.078,34

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quyên



Nguyễn Thị Ngọc Hà

Tổng Giám đốc



Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.773.775.207	11.596.429.602
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		5.038.705.446	4.965.678.782
- Các khoản dự phòng	03		503.323.091	(65.398.521)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(26.405.526)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(386.389.563)	(709.786.168)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.929.414.181	15.760.518.169
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.627.684.052	(468.179.083)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.500.709.247	(42.489.827.672)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(5.569.889.281)	41.382.219.937
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(138.272.499)	(776.053.398)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.243.902.205)	(2.753.835.139)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(22.850.000)	(75.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.082.893.495	10.579.842.814
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(5.944.553.260)	(3.997.239.033)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		80.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		386.389.563	374.986.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.478.163.697)	(3.622.252.865)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.739.665.683)	(7.444.562.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.739.665.683)	(7.444.562.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		23.865.064.115	(486.972.551)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.199.876.564	4.660.443.589
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	26.405.526
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	28.064.940.679	4.199.876.564

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quyên



Nguyễn Thị Ngọc Hà



Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 241/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016, vốn điều lệ của Công ty là: **45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam)**.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và xây dựng công trình công nghiệp & dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí, nhà thép tiền chế, dầm thép tổ hợp, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cột điện cao - hạ thế, cột vi ba truyền hình, các thiết bị xây dựng, các loại cầu trục phục vụ các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Xây dựng, lắp đặt các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng, xây lắp đường dây và trạm biến áp; Kinh doanh xuất nhập khẩu kim khí và vật tư tổng hợp;
- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán các công trình công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thiết bị nâng hạ, thiết bị phi tiêu chuẩn;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ sản xuất kết cấu thép, cơ khí; San lấp mặt bằng, xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống); xây dựng công trình thủy lợi;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá, cho thuê kho bãi, thiết bị./.

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tổ 7, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách đơn vị trực thuộc:

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc là Nhà máy kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng, địa chỉ tại Tổ 7 Thị Trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép số 5	Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%
- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	Phường Tân Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của Văn phòng Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng và Nhà máy Kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty với Nhà máy đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư do công ty liên kết hoạt động kinh doanh có lãi.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do đơn vị này đang hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và chi phí sản xuất chung trực tiếp và phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
- Máy móc thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	08 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí dụng cụ văn phòng, chi phí thăm bê tông đường bãi, chi phí làm catalogue, chi phí sửa chữa cân điện tử và chi phí sửa chữa nhà xưởng chính được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Riêng chi phí dịch vụ hosting được phân bổ trong thời gian 60 tháng theo quy định của Hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là khoản chi phí tiền điện thoại, phí kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019 và chi phí trích trước liên quan đến công trình lắp dựng. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do sai sót của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công, doanh thu hoạt động xây lắp, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia.

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chi được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là các khoản thu từ bán thanh lý tài sản cố định, tiền nhà của cán bộ công nhân viên, xử lý công nợ không phải trả và các thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng bán thanh lý tài sản cố định, Phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế và các chứng từ kế toán có liên quan.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn hoạt động xây lắp được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong năm.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ với mức thuế suất áp dụng là 10% đối với các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công và hoạt động xây lắp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền		
Tiền mặt	2.504.759.970	372.324.029
Tiền gửi ngân hàng	25.560.180.709	3.827.552.535
Cộng	28.064.940.679	4.199.876.564

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.212.000.000	-	4.212.000.000	4.212.000.000
Công ty CP Kết cấu thép số 5	1.980.000.000	-	1.980.000.000	1.980.000.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	2.232.000.000	-	2.232.000.000	2.232.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000
Cộng	4.572.000.000	-	4.572.000.000	4.572.000.000

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập. Các Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện tại đang kinh doanh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

- Công ty CP Kết cấu thép số 5 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 170300356 ngày 09/01/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Thái Nguyên cấp (nay là số 4600425361). Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600425361 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2013 thì vốn điều lệ của công ty là: 5.500.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1703000353, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2008 nay là số 4600425354 đăng ký thay đổi lần 1 ngày 25/11/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp với số vốn điều lệ là 6.200.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Mẫu số B 09 - D9

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Công ty CARAT	1.946.494.078	(1.362.545.855)	1.946.494.078	(1.362.545.855)
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	1.533.779.121	(1.533.779.121)	1.533.779.121	(1.533.779.121)
Công ty CP May Nam Định	1.370.714.804	-	1.370.714.804	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22	955.105.200	-	1.202.448.200	-
Công ty HAN CCO VINA	-	-	7.536.988.375	-
Công ty Hai Pha Việt Nam	-	-	3.900.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư kỹ thuật xây dựng An Tín	8.673.990.733	-	-	-
Công ty TNHH DOUOM E&C	1.297.372.195	-	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư & Xây dựng Hoàng Dân	13.609.958.075	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG	1.344.136.141	-	-	-
Công ty CP Thương mại Thái Việt	654.941.389	-	2.103.700.355	-
Các đối tượng khác	10.610.827.811	(3.391.406.055)	15.021.364.499	(2.914.119.953)
<i>Nhà máy</i>				
Công ty Collab Việt Nam	-	-	2.387.234.782	-
Công ty Kết cấu thép cơ khí Đông Anh E&C	1.444.330.215	(647.165.108)	2.044.330.215	(225.000.000)
Công ty TNHH DONGGUK VINA	2.329.718.130	-	2.429.718.130	-
Công ty TNHH DONGHUI	4.479.202.319	-	18.221.511.926	-
Công ty CP Xây dựng Bông sen vàng	10.650.625.808	-	-	-
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng công nghiệp	589.875.000	(188.165.086)	2.072.388.279	(336.651.498)
Công ty TNHH Han CCO VINA	1.754.473.132	-	-	-
Công ty TNHH Thiên Phú	5.969.461.561	-	11.717.392.686	-
Công ty TNHH Đầu tư Ô tô Ninh Bình	-	-	2.303.901.925	-
Các đối tượng khác	6.815.953.235	(2.306.172.713)	11.748.364.248	(2.553.814.420)
Cộng	76.030.958.947	(9.429.233.938)	87.540.331.623	(8.925.910.847)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty GOOLE ADWORDS	7.874.900	7.874.900
Công ty TNHH TQN Việt Nam	-	500.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế UNISTARS	30.000.000	-
Công ty CP Xây lắp & Sản xuất công nghiệp	35.414.621	35.414.621
<i>Nhà máy</i>		
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hạnh Nam	-	157.140.800
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và Sản xuất Thành Đạt	-	144.598.000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Quốc tế NINATIME	-	120.000.000
Công ty TNHH Xây lắp và Vận tải Tân Đạt	-	185.068.387
Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp Đăng Việt	-	290.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Green Việt Nam	50.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp WELDCOM	83.940.063	-
Công ty TNHH Xây lắp thương mại Quốc An	93.376.888	-
Công ty CP Sơn chống cháy Việt Nam	525.000.000	-
Các đối tượng khác	26.541.803	75.406.591
Cộng	852.148.275	1.515.503.299

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

5. Phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Phải thu khác	662.481.382	-	642.953.715	-
Nguyễn Xuân Tranh	26.150.000	-	26.150.000	-
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	334.800.000	-	334.800.000	-
Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung	45.000.000	-	45.000.000	-
Các khoản phải thu khác	256.531.382	-	237.003.715	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Nhà máy	767.752.825	-	977.783.373	-
Phải thu khác	489.372.008	-	678.627.918	-
Bảo hiểm phải thu của người lao động	93.349.904	-	104.282.330	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	354.597.615	-	-	-
Công ty TNHH Điện tử BSL Việt nam	-	-	512.154.564	-
Các khoản phải thu khác	41.424.489	-	62.191.024	-
Tạm ứng	278.380.817	-	299.155.455	-
Lê Văn Nhuận	20.000.000	-	48.850.000	-
Lê Quang Nam	64.442.000	-	10.000.000	-
Nguyễn Huy Hải	24.462.535	-	33.337.173	-
Các đối tượng khác	169.476.282	-	206.968.282	-
Cộng	1.430.234.207	-	1.620.737.088	-

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Công ty CP ENZO VIET	365.928.468	-	365.928.468	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	-	-	100.880.129	70.616.090
Ban quản lý Khu du lịch Mẫu Sơn	500.000.000	319.504.881	500.000.000	319.504.881
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	1.533.779.121	-	1.533.779.121	-
Công ty CP Công nghiệp & Xây dựng Phúc Lộc	813.860.124	599.702.087	-	-
Công ty Carat	1.946.494.078	583.948.223	1.946.494.078	583.948.223
Công ty ENPRAT	1.028.662.027	326.643.514	1.028.662.027	326.643.514
Công ty Việt Phát	580.000.000	-	580.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Miền Trung	485.534.325	-	485.534.325	-
Viện nghiên cứu cơ khí	171.189.300	-	171.189.300	-
Công ty CP Thương mại Thái Việt	511.239.964	357.867.975	-	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Công ty CP Tập đoàn Sóng Thần	110.000.000	-	110.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ HICON	172.340.800	86.170.400	-	-
Các đối tượng khác	398.895.617	56.355.713	321.967.453	33.277.264
Nhà máy				
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt nam	-	-	531.073.225	-
Công ty CP Đầu tư phát triển Châu Á	414.867.067	300.000.000	414.867.067	300.000.000
Công ty CP Xây dựng số 11	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty HASCO	699.440.503	489.608.352	-	-
Công ty TNHH Long Hải	101.011.000	-	121.011.000	20.000.000
Công ty Thương mại tổng hợp Quảng Bình	364.410.947	-	364.410.947	-
Các đối tượng khác	3.237.598.717	1.086.216.975	4.499.714.476	2.695.610.797
Cộng	13.635.252.058	4.206.018.120	13.275.511.616	4.349.600.769

7. Hàng tồn kho

	31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.124.672.954	-	23.924.363.613	-
Công cụ, dụng cụ	27.835.641	-	34.110.417	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.988.383.668	-	66.683.127.480	-
Cộng	77.140.892.263	-	90.641.601.510	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	421.646.339	136.492.029
Dụng cụ văn phòng	118.401.965	71.908.892
Thảm bê tông đường bãi	163.987.809	300.878.719
Chi phí sửa chữa cân điện tử	313.977.886	-
Chi phí làm catalogue	13.589.663	30.635.119
Chi phí sửa chữa nhà xưởng chính	441.365.504	794.457.908
Phí dịch vụ hosting	-	324.000
Cộng	1.472.969.166	1.334.696.667

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2019	14.338.148.142	36.565.227.644	7.397.892.455	254.017.727	58.555.285.968	
Mua trong năm	-	5.911.053.260	-	33.500.000	5.944.553.260	
Thanh lý, nhượng bán	-	(501.839.296)	-	-	(501.839.296)	
Số dư ngày 31/12/2019	14.338.148.142	41.974.441.608	7.397.892.455	287.517.727	63.997.999.932	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2019	6.236.896.903	20.264.960.307	3.223.486.090	230.882.735	29.956.226.035	
Khấu hao trong năm	608.758.214	3.759.889.630	639.720.960	30.336.642	5.038.705.446	
Thanh lý, nhượng bán	-	(501.839.296)	-	-	(501.839.296)	
Số dư ngày 31/12/2019	6.845.655.117	23.523.010.641	3.863.207.050	261.219.377	34.493.092.185	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2019	8.101.251.239	16.300.267.337	4.174.406.365	23.134.992	28.599.059.933	
Tại ngày 31/12/2019	7.492.493.025	18.451.430.967	3.534.685.405	26.298.350	29.504.907.747	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.528.801.115 VND.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Tài sản dở dang dở dang dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Sản xuất trạm cân Nhà máy	-	53.282.527
Cộng	-	53.282.527

11. Phải trả người bán

	31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443
Các đối tượng khác	332.903.422	332.903.422	973.767.354	973.767.354
<i>Nhà máy</i>				
Công ty CP Nhà khung thép & Thiết bị công nghiệp	1.506.268.013	1.506.268.013	14.922.622.159	14.922.622.159
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng & Công nghiệp Việt Nam	4.341.274.331	4.341.274.331	-	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư & Xây dựng Eva	654.204.064	654.204.064	1.047.521.992	1.047.521.992
Công ty CP Kỹ thuật & Thương mại SBC Việt Nam	2.355.215.296	2.355.215.296	-	-
Công ty TNHH Thép Nhật Quang	961.089.965	961.089.965	1.678.725.936	1.678.725.936
Công ty TNHH Ngọc Dân	3.953.569.667	3.953.569.667	3.362.633.543	3.362.633.543
Công ty TNHH Ông thép 190	796.830.509	796.830.509	444.220.423	444.220.423
Công ty CP Thương mại hàng hóa Quốc tế PC	298.274.921	298.274.921	2.813.131.512	2.813.131.512
Công ty CP Nhà thép SBC Việt Nam	7.809.338.999	7.809.338.999	2.107.332.430	2.107.332.430
Công ty Thép Xuân Nam	3.195.668.190	3.195.668.190	4.783.099.830	4.783.099.830
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Hoàng Đạt	1.548.576.000	1.548.576.000	1.795.882.356	1.795.882.356
Công ty CP Thương mại An Sang	1.834.340.200	1.834.340.200	3.447.806.800	3.447.806.800

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty CP Thương mại CITICOM	-	-	5.151.527.445	5.151.527.445
Các đối tượng khác	15.285.611.197	15.285.611.197	16.805.725.437	16.805.725.437
Cộng	61.009.299.097	61.009.299.097	75.470.131.540	75.470.131.540

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Nguyệt Ánh	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH VITTO	-	12.396.130.200
Công ty Nam Á	-	2.163.016.570
Công ty CPXD Bông Sen Vàng	-	2.897.400.000
Công ty TNHH MTV ĐT & XD Hoàng Dân	-	10.000.000.000
Các đối tượng khác	1.431.025.269	1.700.322.995
<i>Nhà máy</i>		
Công ty ECOTECH Hưng Yên	3.476.000.000	-
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng công nghiệp	689.309.995	689.309.995
Công ty TNHH Thiên Phú	3.000.000.000	6.500.000.000
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Bách Khoa	1.072.000.000	1.072.000.000
Công ty CP Xây dựng Bông sen vàng	560.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Cheong Song	19.004.431.250	-
Công ty TNHH DONGHUI	6.630.681.420	-
Công ty TNHH DOUM	151.815.950	-
Công ty TNHH Nam Á	3.476.000.000	-
Công ty CP Sản xuất A - ONE TIMBER	11.193.006.334	-
Các đối tượng khác	1.475.211.034	1.214.662.141
Cộng	53.659.481.252	40.132.841.901

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	403.818.182	5.664.983.483	1.348.569.009	4.720.232.656

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	354.449.058	354.449.058	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	593.902.205	2.743.757.677	1.243.902.205	2.093.757.677
Thuế thu nhập cá nhân	3.911.680	625.279.122	280.340.241	348.850.561
Tiền thuê đất	-	1.140.278.603	1.140.278.603	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	1.001.632.067	10.532.747.943	4.371.539.116	7.162.840.894

b) Phải thu

Thuế giá trị gia tăng	67.819.937	67.819.937	-	-
Cộng	67.819.937	67.819.937	-	-

14. Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Phí kiểm toán	54.545.455	54.545.455
Chi phụ cấp BCH Đảng bộ	-	12.510.000
<i>Nhà máy</i>		
Chi phí công trình COLLAB Việt Nam	-	-
Chi phí công trình Công ty Thiên Phú	97.245.000	-
Chi phí phải trả khác	1.244.726	42.365.860
Cộng	153.035.181	109.421.315

15. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty TNHH PLANIT VINA	-	5.550.000.000
Công ty CP Xây dựng Vilai Việt	-	739.090.909
<i>Nhà máy</i>		
Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	1.172.562.545	1.172.562.545
Cộng	1.172.562.545	7.461.653.454

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16. Phải trả khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Kinh phí công đoàn	31.628.026	29.776.526
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Comess	550.000.000	550.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	350.846.395	350.846.395
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	2.051.943.631	2.051.943.631
Các khoản phải trả khác	438.648.908	461.977.913
<i>Nhà máy</i>		
Kinh phí công đoàn	567.613.021	486.271.621
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	2.363.811.285	2.263.876.411
Các đối tượng khác	775.838.336	740.365.369
Cộng	7.130.329.602	6.935.057.866

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

17. Vốn chủ sở hữu**17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư ngày 01/01/2018	45.000.000.000	3.191.509.818	9.068.556.252	57.260.066.070
Lãi trong năm trước	-	-	9.352.527.397	9.352.527.397
Chia cổ tức	-	-	(7.650.000.000)	(7.650.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(1.463.177.155)	(1.463.177.155)
Số dư ngày 31/12/2018	45.000.000.000	3.191.509.818	9.307.906.494	57.499.416.312
Lãi trong năm nay	-	-	11.030.017.530	11.030.017.530
Chia cổ tức	-	-	(7.650.000.000)	(7.650.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(1.522.223.585)	(1.522.223.585)
Số dư ngày 31/12/2019	45.000.000.000	3.191.509.818	11.165.700.439	59.357.210.257

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	10.400.000.000	10.400.000.000
Các đối tượng khác	34.600.000.000	34.600.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	45.000.000.000	45.000.000.000
Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.650.000.000	7.650.000.000

17.4 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

17.5 Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

17.6 Các quỹ của doanh nghiệp

				Đơn vị tính: VND
Khoản mục	01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2019
Quỹ đầu tư phát triển	15.606.628.702	-	-	15.606.628.702
Cộng	15.606.628.702	-	-	15.606.628.702

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của Công ty:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty. Năm 2019, Công ty không trích bổ sung quỹ này.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Tiền EUR	2,74	2,74
Tiền USD	136,03	50.379,82

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	501.385.413.471	277.638.441.860
Cộng	501.385.413.471	277.638.441.860

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	478.063.029.048	258.000.555.851
Cộng	478.063.029.048	258.000.555.851

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	29.989.563	18.586.168
Thu cổ tức	356.400.000	691.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	26.405.526
Cộng	386.389.563	736.191.694

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý TSCĐ	80.000.000	-
Thu tiền nhà của cán bộ công nhân viên	49.454.543	46.727.272
Xử lý khoản công nợ không phải trả	3.000	1.559.371
Bán vật tư thừa so với kiểm kê thực tế	6.751.993	-
Thu nhập khác	-	200.000
Cộng	136.209.536	48.486.643

5. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giảm giá trị quyết toán với Công ty CP Tư vấn thiết kế Vinaicon	-	10.994.645
Tiền phạt chậm nộp thuế	990.000	7.998.022
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	12.503.177	26.735.434
Chi phí lắp dựng công trình COLLAB Việt Nam	-	8.880.000
Chi phí khác	2	33.495
Cộng	13.493.179	54.641.596

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	6.988.748.259	6.603.719.485
Chi phí nhân viên quản lý	2.193.680.707	2.191.801.799
Chi phí vật liệu quản lý	774.096.900	916.729.818
Chi phí đồ dùng văn phòng	198.519.686	138.248.534
Chi phí khấu hao TSCĐ	724.612.735	652.022.193
Thuế, phí và lệ phí	1.237.061.284	1.244.517.529
Chi phí dự phòng	503.323.091	(65.398.521)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	631.480.865	527.724.629
Chi phí bằng tiền khác	725.972.991	998.073.504
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	3.050.635.351	2.167.773.663
Chi phí nhân viên	2.691.677.819	2.011.583.346
Chi phí bảo hành	1.170.643	7.159.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.097.433	-
Chi phí bằng tiền khác	247.689.456	149.031.317
Cộng	10.039.383.610	8.771.493.148

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	293.698.829.049	216.759.811.792
Chi phí nhân công	27.541.551.485	21.143.024.445
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.038.705.446	4.965.678.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.040.263.077	36.987.982.786
Chi phí khác bằng tiền	3.013.331.593	2.611.123.129
Cộng	489.332.680.650	282.467.620.934

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ	501.908.012.570	278.423.120.197
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	501.551.612.570	277.705.514.671
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	356.400.000	717.605.526
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	488.134.237.363	266.826.690.595
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	487.832.824.184	266.486.003.644
Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp	301.413.179	340.686.951
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	13.718.788.386	11.219.511.027
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.743.757.677	2.243.902.205

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.030.017.530	9.352.527.397
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.030.017.530	9.352.527.397
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.451,12	2.078,34

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*Danh sách các bên liên quan:***Bên liên quan**

Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam

Công ty CP Kết cấu thép số 5

Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên

Mối quan hệ

Đơn vị góp vốn

Công ty liên kết

Công ty liên kết

2.1 Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải thu	822.915.312	1.353.988.537
Tài khoản 131	488.115.312	1.019.188.537
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	-	531.073.225
Công ty CP Kết cấu thép số 5	488.115.312	488.115.312
Tài khoản 138	334.800.000	334.800.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	334.800.000	334.800.000
Các khoản phải trả	12.508.140.254	12.508.140.254
Tài khoản 331	12.508.140.254	12.508.140.254
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	4.022.522.443	4.022.522.443
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	8.485.617.811	8.485.617.811

2.2 Thu nhập của thành viên Ban lãnh đạo chủ chốt

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	2.047.776.874	1.762.232.880
Cộng	2.047.776.874	1.762.232.880

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars và đã được Công ty điều chỉnh lại theo Thông báo Kết quả Kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước số 717/TB-KTNN ngày 11/10/2019. Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được trình bày lại như sau:

Số liệu trước điều chỉnh và sau điều chỉnh**Bảng Cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

	Số liệu 31/12/2018		
	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	85.098.331.623	87.540.331.623	2.442.000.000
Hàng tồn kho	94.510.179.692	90.641.601.510	(3.868.578.182)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	42.132.841.901	40.132.841.901	(2.000.000.000)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	563.893.158	1.001.632.067	437.738.909
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.172.223.585	9.307.906.494	135.682.909

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Năm 2018		
	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	273.600.260.042	277.638.441.860	4.038.181.818
Giá vốn hàng bán	254.131.977.669	258.000.555.851	3.868.578.182
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.468.282.373	19.637.886.009	169.603.636
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.426.825.966	11.596.429.602	169.603.636
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.209.981.478	2.243.902.205	33.920.727
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.216.844.488	9.352.527.397	135.682.909

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y